

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP SUGGESTOPEDIA TRONG DẠY HỌC TIẾNG ANH TẠI VIỆT NAM: TIỀM NĂNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ

DOÃN ANH ĐỨC
Trường Đại học Thủy lợi

Nhận bài ngày 05/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

As English plays an increasingly important role in education and international integration in Vietnam, teaching approaches that can enhance learner engagement, reduce anxiety, and facilitate language acquisition are attracting growing attention. Drawing on an analysis and synthesis of the literature, this paper clarifies the fundamental characteristics of Suggestopedia, discusses several issues in English language teaching in Vietnam, and examines the potential and limitations of applying this method. It argues that Suggestopedia is unlikely to be implemented in its original form in mainstream classrooms because of constraints related to class size, lesson duration, facilities, examination objectives, and teacher training requirements. Nevertheless, selected elements, such as reducing psychological pressure, incorporating art and role-play, fostering a positive classroom atmosphere, and correcting errors gently, can be selectively integrated to support foreign language learning.

Keywords: English language teaching, foreign language education, language retention, learner anxiety, suggestopedia, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Tiếng Anh tiếp tục giữ một vị trí quan trọng trong hệ thống giáo dục Việt Nam. Các định hướng gần đây không chỉ nhằm cải thiện việc dạy và học tiếng Anh, mà còn đặt mục tiêu mở rộng môi trường sử dụng ngoại ngữ này ra khỏi phạm vi lớp học. Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025) hướng tới việc hình thành một hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong nhà trường; British Council Viet Nam (2025) cũng ghi nhận những nỗ lực liên quan đến chương trình nghị sự đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong giáo dục.

Tuy nhiên, giữa những mục tiêu đó và thực tế vẫn còn một khoảng cách đáng kể. Theo EF English Proficiency Index 2025, Việt Nam xếp hạng 64, thuộc nhóm năng lực trung bình, với điểm nói và nghe thấp hơn điểm đọc và viết (EF Education First, 2025). Ở kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025, điểm trung bình môn Tiếng Anh là 5,38 với khoảng 38,22% thí sinh đạt dưới trung bình (Nguyễn Bảo, 2025). Những số liệu này chưa đủ để kết luận rằng việc dạy và học tiếng Anh ở nước ta kém hiệu quả, nhưng đủ cho thấy việc nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ vẫn là một nhiệm vụ cấp thiết.

Nghiên cứu cho thấy các trở ngại của dạy học ngoại ngữ không chỉ nằm ở chương trình hay tài liệu. Hoang (2010) chỉ ra những vấn đề kéo dài về điều kiện cơ sở vật chất và năng lực giáo viên (GV); Tomlinson và Bao (2004) nhấn mạnh tâm lý sợ sai của người học Việt Nam; còn Ngo (2022) và Phuong et al. (2025) cho thấy áp lực thi cử có thể ảnh hưởng đến cách dạy, học và đánh giá. Trong hoàn cảnh đó, việc đổi mới dạy học ngoại ngữ không chỉ là thay đổi tài liệu hay cách thức kiểm tra, mà còn cần hướng đến việc tăng động lực và tạo trải nghiệm học tập tích cực. Một trong những phương pháp có thể đáp ứng mục tiêu này là Suggestopedia.

Suggestopedia là phương pháp dạy học ngoại ngữ được phát triển bởi Georgi Lozanov, một nhà

Email: ducda@tlu.edu.vn

giáo dục và tâm lý học người Bulgaria, từ thập niên 1960. Phương pháp này từng thu hút sự quan tâm nhờ tuyên bố về khả năng tăng cường ghi nhớ, giảm căng thẳng và tạo môi trường học tập tích cực (Bancroft, 1978; Mateva, 2018), nhưng cũng gây tranh cãi vì cơ sở lý thuyết khác biệt, vai trò nổi bật của GV và việc áp dụng các kỹ thuật giúp thư giãn trong lớp học (Brown, 2001; Larsen-Freeman, 1986; Richards & Rodgers, 2014). Khi giáo dục ngoại ngữ hiện đại chuyển mình sang các định hướng giao tiếp, hành động và lấy người học làm trung tâm, một số đặc điểm gắn liền với Suggestopedia có thể bị xem là lạc hậu. Bài viết này không nhằm phục hồi Suggestopedia như một phương pháp hoàn chỉnh, mà xem nó như một nguồn tham khảo để nhìn lại vai trò của cảm xúc, môi trường học tập và mối quan hệ GV – người học trong giảng dạy tiếng Anh tại Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về phương pháp Suggestopedia

Suggestopedia được phát triển dựa trên khái niệm “suggestion” trong giáo dục. Theo Lozanov (2005), “suggestion” không phải là thôi miên hay thao túng, mà là sự gợi mở và thúc đẩy các tác động tích cực nhằm giúp người học vượt qua rào cản tâm lý và tiếp cận năng lực tiềm ẩn của bản thân. Do vậy, Suggestopedia còn được biết đến với tên Desuggestopedia, tức tháo bỏ những ám thị tiêu cực như “tôi không có năng khiếu học ngoại ngữ” hoặc “học tiếng Anh là khó và căng thẳng” (Lozanov, 2005; Mateva, 2018).

Các mô tả kinh điển về phương pháp này thường nhấn mạnh lớp học được chuẩn bị kỹ với âm nhạc, trò chơi, bài hát, nhập vai và cách ứng xử nhẹ nhàng của GV (Brown, 2001; Larsen-Freeman, 1986; Lozanov, 2009). Tuy nhiên, cần lưu ý Suggestopedia không đơn thuần chỉ là một tập hợp các kỹ thuật thư giãn. Âm nhạc, hội thoại, bài hát, trò chơi và vai diễn chỉ có ý nghĩa khi chúng nằm trong một thiết kế thống nhất, nơi GV chủ động điều chỉnh nhịp học, cảm xúc và kỳ vọng của người học. Nếu tách từng yếu tố ra khỏi mục đích đó, một lớp học dù có nhiều hoạt động vui vẻ vẫn có thể gây căng thẳng và khiến người học rụt dè.

Suggestopedia được miêu tả qua bốn giai đoạn chính gồm: giới thiệu, phiên hòa nhạc, luyện tập mở rộng và trình diễn. Trong phiên hòa nhạc, GV đọc giáo trình theo một cách được tổ chức chặt chẽ cùng âm nhạc; ở các giai đoạn sau, nội dung được quay lại qua bài hát, trò chơi, đối thoại, nhập vai và tình huống giao tiếp (Larsen-Freeman, 1986; Lozanov, 2009). Trình tự ấy thoạt nhìn có nét giống mô hình PPP (Presentation – Practice – Production), nhưng sự giống nhau chỉ nằm ở bề mặt. Suggestopedia tập trung vào sự ảnh hưởng của việc tổ chức lớp học từ không gian nghệ thuật, hoạt động trò chơi đến cử chỉ của GV lên trạng thái tâm lý người học. Vì vậy, việc bật một bản nhạc nền trong lúc làm bài không thể tự nó được xem là áp dụng Suggestopedia.

Điểm gây tranh cãi nhất của phương pháp này, cũng như cốt lõi ban đầu của nó, là các tuyên bố về khả năng tiếp nhận lượng lớn từ vựng trong thời gian ngắn (Bancroft, 1978; Lozanov, 1978, 2005). Giáo dục ngoại ngữ hiện nay không chỉ hướng tới ghi nhớ từ vựng hoặc cấu trúc, mà còn nhấn mạnh khả năng sử dụng ngôn ngữ chủ động, linh hoạt để có thể giao tiếp và giải quyết các tình huống xã hội cụ thể (Council of Europe, 2020; Richards & Rodgers, 2014). Tuy vậy, việc một phương pháp không còn phổ biến trong lý luận giảng dạy hiện đại không có nghĩa là toàn bộ giá trị của nó không còn hữu ích. Những giá trị nhân văn của Suggestopedia như: người học cần được tôn trọng, cần cảm thấy an toàn, cần được khích lệ và cần có niềm tin rằng mình có khả năng học tốt hơn những gì bản thân từng nghĩ (Lozanov, 2005; Mateva, 2018) rõ ràng vẫn còn đáng xem xét, nhất là trong bối cảnh mà việc học ngoại ngữ bị gán quá mạnh với thi cử, điểm số và áp lực thành tích.

2.2. Một số vấn đề trong dạy học Tiếng Anh tại Việt Nam

Dù giáo dục tiếng Anh tại Việt Nam đã chuyển mạnh về mục tiêu giao tiếp và khả năng đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp (Hoang, 2010; Ngo & Tran, 2024), cách tổ chức dạy học vẫn chịu ảnh hưởng đáng kể của thi cử. Ngo (2022) nhận thấy đánh giá tổng kết tiếp tục giữ vị trí nổi trội dù chính sách khuyến khích đánh giá quá trình; Phuong et al. (2025) cho thấy GV phải điều chỉnh thực hành để ứng phó với

tác động ngược của bài thi. Hệ quả là những nội dung dễ kiểm tra và chấm điểm, như ngữ pháp, từ vựng, đọc hiểu và những dạng bài quen thuộc, thường được ưu tiên hơn các hoạt động giao tiếp và vận dụng ngôn ngữ vốn khó đánh giá nhanh và khách quan.

Những hạn chế về điều kiện tổ chức giảng dạy cũng là một rào cản đáng kể đối với việc thử nghiệm và đổi mới phương pháp dạy học. Duy (2019) nêu hiện tượng nhiều lớp học ở đô thị có 48–52 học sinh, thậm chí gần 60 học sinh; với sĩ số như vậy, một tiết học 45–50 phút khó đủ để tổ chức nhập vai, trò chơi vận động hoặc phản hồi cá nhân. Ngo và Tran (2024) cũng xem thiếu thời gian học, thiếu cơ sở vật chất tốt và thiếu môi trường thực hành tiếng Anh là những thách thức đáng chú ý.

Một trở ngại khác không kém phần đáng lo ngại là tâm lý sợ mắc lỗi, xu hướng ít chất vấn trực tiếp và quan niệm GV là người có quyền uy, vốn chịu ảnh hưởng nặng nề của truyền thống Nho giáo (Thanh, 2010; Tran, 2020). Tomlinson và Bao (2004) ghi nhận rằng người học Việt Nam có thể dè dặt trong lớp vì lo thất bại hoặc bị GV phê bình; Le (2023) cũng chỉ ra tác động của lo âu lên mức độ tham gia hoạt động và khả năng thể hiện của sinh viên. Ở đây, vấn đề không hoàn toàn nằm ở việc người học thiếu kiến thức, mà còn ở cảm giác thiếu an toàn khi phải sử dụng ngoại ngữ trước bạn bè và GV. Những vấn đề này cho thấy dạy học Tiếng Anh ở Việt Nam cần quan tâm nhiều hơn đến trạng thái tâm lý và trải nghiệm học tập của người học.

2.3. Lợi ích tiềm năng của Suggestopedia đối với dạy học Tiếng Anh

2.3.1. Giảm lo âu và rào cản tâm lý của người học

Một trong những giá trị rõ nhất của Suggestopedia là nỗ lực tạo ra môi trường học tập ít căng thẳng. Lozanov (2005) phản đối cách giao tiếp ép buộc và nhấn mạnh thái độ tôn trọng, không thao túng. Trong hướng dẫn của Mateva (2018), nghệ thuật, vai diễn và sự khích lệ được phối hợp để người học ở trạng thái thư giãn nhưng vẫn chủ động.

Theo giả thuyết bộ lọc cảm xúc của Krashen (1982), trạng thái lo âu hoặc thiếu tự tin có thể làm giảm khả năng tiếp nhận ngôn ngữ đầu vào. Do vậy, nếu GV giảm được không khí căng thẳng, tổ chức các hoạt động luyện tập thông qua những tình huống quen thuộc, gần gũi và sửa lỗi theo cách ít gây xấu hổ, người học có thể tham gia tích cực và tiếp thu bài tốt hơn. Những thực hành này không thuộc riêng Suggestopedia, nhưng phương pháp này nhấn mạnh chúng một cách nhất quán và có hệ thống.

2.3.2. Tăng hứng thú thông qua nghệ thuật và nhập vai

Trong Suggestopedia, nghệ thuật không chỉ dùng để phục vụ mục đích giải trí. Âm nhạc, câu chuyện, hội thoại, hình ảnh và nhập vai không chỉ làm lớp học sinh động hơn, mà còn tạo điều kiện tâm lý thuận lợi cho việc tiếp nhận ngôn ngữ (Lozanov, 2009; Mateva, 2018). Trong bối cảnh học tiếng Anh tại Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của sách bài tập, luyện đề và áp lực kiểm tra (Ngo, 2022; Phuong et al., 2025), việc đưa ngôn ngữ vào các tình huống giàu cảm xúc và tương tác có thể giúp hoạt động học bớt thiên về ghi nhớ rời rạc.

Ví dụ, với chủ đề nhà hàng, GV có thể dùng ở danh sách từ vựng về món ăn và dịch vụ, cũng có thể đặt người học vào vai khách hàng, nhân viên phục vụ hoặc quản lý để xử lý một tình huống cụ thể. Phiên bản thứ hai tạo điều kiện để người học vận dụng kiến thức thông qua việc sản sinh ngôn ngữ, qua đó hiểu sâu hơn và ghi nhớ tốt hơn những gì đã học (Swain, 1985). Tuy nhiên, cần tránh hiểu rằng chỉ cần thêm nhạc hoặc trò chơi là lớp học sẽ hiệu quả hơn; các hoạt động này chỉ có giá trị khi phục vụ mục tiêu ngôn ngữ rõ ràng.

2.3.3. Hỗ trợ ghi nhớ và tiếp nhận ngôn ngữ

Khía cạnh thúc đẩy khả năng ghi nhớ là điểm nổi bật nhất khiến Suggestopedia được biết đến rộng rãi. Các phiên đọc trong nền nhạc, sự lặp lại qua bài hát, hội thoại, hoạt động và trình diễn đều nhằm củng cố khả năng tiếp nhận và lưu giữ thông tin (Bancroft, 1978; Lozanov, 1978, 2005). Thực tế, trong bối cảnh giáo dục tại Việt Nam hiện tại, ghi nhớ vẫn là nhu cầu thiết yếu. Học sinh vẫn cần ghi nhớ từ vựng, cấu trúc, phát âm, mẫu câu và dạng bài để phục vụ mục tiêu cuối cùng là thi cử. Vì vậy, không thể

xem việc Suggestopedia chú trọng ghi nhớ là hoàn toàn lỗi thời. Tuy nhiên, như đã nói trên, việc ghi nhớ không nên chỉ tập trung vào việc học thuộc những kiến thức tách rời khỏi ngữ cảnh, mà cần được đặt trong các tình huống có ý nghĩa để giúp người học vận dụng kiến thức và nâng cao khả năng sử dụng ngôn ngữ ngoài phạm vi lớp học.

2.3.4. Xây dựng quan hệ tích cực giữa giáo viên và người học

Trong khi định hướng giáo dục hiện nay đề cao vai trò chủ động của người học, GV lại giữ vị trí trọng tâm trong Suggestopedia. Họ không chỉ thiết kế bài giảng mà còn xây dựng bối cảnh học tập, điều tiết không khí lớp học và củng cố niềm tin rằng người học có khả năng tiến bộ. Lozanov gọi đây là “uy tín của GV”, nhưng uy tín này không đồng nghĩa với sự áp đặt hay kiểu quyền uy mang tính thứ bậc thường gắn với tư tưởng Nho giáo, mà được hình thành từ năng lực chuyên môn, sự chuẩn bị chu đáo, cách ứng xử nhất quán và thái độ tôn trọng người học. Khi được xây dựng đúng cách, uy tín của GV có thể tạo cảm giác tin cậy và an toàn, từ đó khuyến khích người học tham gia tích cực hơn vào quá trình học (Lozanov, 2005; Mateva, 2018).

Trong lớp học tiếng Anh tại Việt Nam, yêu cầu duy trì kỷ luật và bảo đảm tiến độ giảng dạy đôi khi khiến nhu cầu, khó khăn và trải nghiệm riêng của người học chưa được chú ý đầy đủ. Tomlinson và Bao (2004) cho rằng sự dè dặt của người học không nên chỉ được quy cho thái độ học thụ động, mà còn đến từ sự thiếu hấp dẫn của tài liệu và hoạt động học tập. Tuy nhiên, trong môi trường chịu ảnh hưởng của quan hệ thứ bậc, người học có thể không có đủ cơ hội để bày tỏ những khó khăn của bản thân. Từ góc nhìn này, việc Suggestopedia chú trọng xây dựng mối quan hệ thầy trò tích cực, sử dụng phản hồi ít gây áp lực và củng cố niềm tin của người học vào khả năng của bản thân là một giá trị đáng lưu ý.

2.4. Giới hạn của Suggestopedia trong bối cảnh hiện nay

Khó khăn đầu tiên của việc áp dụng Suggestopedia nằm ở tính hệ thống. Trong mô tả của Lozanov (2009), phương pháp này không chỉ là một vài kỹ thuật rời rạc được chèn vào một tiết học 45–50 phút, mà là một khóa học được thiết kế đồng bộ về tài liệu, công cụ, không gian, thời lượng và vai trò của GV. Trong phần lớn lớp học chính quy ở Việt Nam, những điều kiện này khó được bảo đảm do GV phải tuân thủ giáo trình, chuẩn đầu ra và thời gian biểu chung, trong khi cơ sở vật chất còn hạn chế.

Thứ hai, Suggestopedia đòi hỏi GV được đào tạo bài bản. Nếu chưa hiểu rõ cơ sở của phương pháp, GV có thể biến nó thành một tập hợp hoạt động rời rạc như bật nhạc, chơi trò chơi, trang trí lớp học hoặc yêu cầu người học nhập vai mà không có mục tiêu sư phạm rõ ràng. Lozanov (2005) và Mateva (2018) đều nhấn mạnh đào tạo chuyên môn là điều kiện quan trọng để thực hành đúng tinh thần của Suggestopedia, trong khi các nghiên cứu chuyên sâu về phương pháp này hiện vô cùng hạn chế ở Việt Nam.

Thứ ba, vai trò dẫn dắt mạnh của GV trong Suggestopedia cần được điều chỉnh khi đặt trong định hướng giáo dục hiện nay. Các khung giáo dục và dạy học ngôn ngữ hiện đại nhấn mạnh tính chủ động của người học, sự tương tác, hợp tác và việc sử dụng ngôn ngữ để thực hiện những nhiệm vụ có ý nghĩa (Council of Europe, 2020; Richards & Rodgers, 2014). Vì vậy, GV nên giữ vai trò thiết kế và điều phối môi trường học tập, đồng thời hỗ trợ tâm lý cho người học, thay vì kiểm soát gần như toàn bộ quá trình học.

Cuối cùng, không phải người học nào cũng sẽ cảm thấy thoải mái với các hoạt động nghệ thuật hoặc nhập vai. Âm nhạc, trò chơi và diễn xuất có thể tạo hứng thú cho một số người học, nhưng với một số khác, chúng lại dễ gây ngại ngùng hoặc mất tập trung. Vì vậy, một lớp học được thiết kế theo hướng vui vẻ chưa chắc đã phù hợp với tất cả người học; GV cần quan sát phản ứng của từng nhóm và điều chỉnh hoạt động cho phù hợp.

2.5. Một số khuyến nghị vận dụng chọn lọc Suggestopedia

Từ những phân tích trên, Suggestopedia nên được xem như một nguồn tham khảo về cách tổ chức lớp học và triết lý giáo dục, thay vì một mô hình để áp dụng nguyên vẹn. Trong các lớp học chính quy ở Việt Nam, GV có thể lựa chọn một số yếu tố phù hợp như âm nhạc ở mức vừa phải, hoạt động nhập vai ngắn, hình ảnh hỗ trợ từ vựng, cách sửa lỗi ít gây áp lực và không khí lớp học thoải mái. Quan trọng

hơn, những yếu tố này cần được điều chỉnh theo mục tiêu bài học, đặc điểm của người học và điều kiện thực tế của lớp học.

Những thử nghiệm ban đầu nên được thực hiện ở quy mô nhỏ, đặc biệt là lớp cho trẻ em, lớp giao tiếp cơ bản hoặc lớp dành cho người học mất gốc. Những lớp học này tạo điều kiện thuận lợi hơn để GV xây dựng các tình huống sinh động, kết hợp âm nhạc, hình ảnh, thơ ca và hoạt động nhập vai, đồng thời có thời gian quan sát phản ứng của người học để điều chỉnh cách triển khai. Đối với lớp luyện thi, các yếu tố của Suggestopedia không nhất thiết phải xuất hiện xuyên suốt mà có thể được lồng ghép ở những thời điểm phù hợp, như phần khởi động, ôn từ vựng, luyện phản xạ nói hoặc giúp thư giãn trước phần học nặng.

Một lưu ý nữa: khi vận dụng các yếu tố của Suggestopedia, GV cần gắn mục tiêu ghi nhớ với khả năng sử dụng ngôn ngữ. Âm nhạc, hình ảnh hoặc câu chuyện có thể giúp giới thiệu từ vựng và tạo bối cảnh, nhưng người học sau đó cần được đưa vào những nhiệm vụ cụ thể để sử dụng chính ngôn ngữ ấy nhằm đạt một mục đích giao tiếp. GV cũng nên tiếp thu quan điểm của Suggestopedia về cách sửa lỗi trong quá trình học: việc sửa lỗi cần giúp người học tiến bộ mà không làm họ mất tự tin. Sau hoạt động, GV có thể trao đổi chung về những lỗi thường gặp mà không nêu tên người mắc lỗi, đưa ra các phương án để cả lớp cùng phân tích, hoặc diễn đạt lại câu của người học theo cách tự nhiên và chính xác hơn.

Cuối cùng, cần có thêm các nghiên cứu thực nghiệm về Suggestopedia trong bối cảnh Việt Nam. Những nghiên cứu sau có thể thử nghiệm riêng lẻ một số yếu tố của phương pháp hoặc triển khai một quy trình được thiết kế gần với mô hình nguyên bản, từ đó xem xét những thay đổi về hứng thú, mức độ lo âu, khả năng ghi nhớ từ vựng và sử dụng ngôn ngữ của người học. Những bằng chứng này sẽ giúp xác định rõ hơn giá trị và giới hạn của Suggestopedia, thay vì chỉ bàn luận về phương pháp trên phương diện lý thuyết.

3. Kết luận

Suggestopedia là một phương pháp dạy học ngoại ngữ đặc biệt trong lịch sử giáo dục ngôn ngữ. Phương pháp này từng được chú ý nhờ mục tiêu tăng cường ghi nhớ và tiếp nhận ngôn ngữ, đồng thời nhấn mạnh vai trò của môi trường học tập, nghệ thuật, cảm xúc và mối quan hệ tích cực giữa GV và người học. Trong bối cảnh hiện nay, một số đặc điểm của Suggestopedia không còn hoàn toàn phù hợp, nhất là khi dạy học ngoại ngữ đang chuyển sang phát triển năng lực giao tiếp, tính tự chủ và khả năng sử dụng ngôn ngữ trong tình huống thực tế.

Tuy nhiên, không nên vì thế mà bỏ qua toàn bộ giá trị của phương pháp này. Đối với dạy học Tiếng Anh tại Việt Nam, nơi người học vẫn chịu ảnh hưởng của áp lực thi cử, tâm lý sợ sai và lỗi học thiên về ghi nhớ, Suggestopedia có thể được nhìn nhận như một triết lý sư phạm hữu ích hơn là một phương pháp cần phục hồi nguyên bản. Nếu được vận dụng thận trọng, các yếu tố như giảm lo âu, tạo môi trường học tích cực, sử dụng nghệ thuật và nhập vai, sửa lỗi nhẹ nhàng và củng cố niềm tin của người học có thể góp phần làm cho việc học tiếng Anh bớt căng thẳng, giàu trải nghiệm hơn và phù hợp hơn với nhu cầu của người học.

Tài liệu tham khảo

Bancroft, W. J. (1978). The Lozanov method and its American adaptations (Phương pháp Lozanov và những điều chỉnh tại Hoa Kỳ). *The Modern Language Journal*, 62(4), 167–175.

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025). ngày 29 tháng 10). Ban hành Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025–2035, tầm nhìn đến năm 2045”. <https://moet.gov.vn/tin-tuc-cot-phai/chuong-trinh-giao-duc-pho-thong/ban-hanh-de-an-dua-tieng-anh-thanh-ngon-ngu-thu-hai-trong-truong-hoc-giai-doan-2025-2035-tam-nhin-den-nam-2045-.html>.

British Council Viet Nam (2025). *Influencing Viet Nam's English as a second language agenda* (Tác động đến chương trình nghị sự về tiếng Anh như ngôn ngữ thứ hai của Việt Nam). <https://www.britishcouncil.vn/en/teach/influencing-viet-nam-english-second-language-agenda>.

- Brown, H. D. (2001). *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy* (Dạy học dựa trên nguyên tắc: Cách tiếp cận tương tác trong sư phạm ngôn ngữ) (2nd ed.). Longman.
- Council of Europe (2020). *Common European Framework of Reference for Languages: Learning, teaching, assessment – Companion volume* (Khung tham chiếu chung châu Âu về ngôn ngữ: học tập, giảng dạy, đánh giá – tập bổ sung). Council of Europe Publishing.
- Duy, N. (2019). *Sĩ số lớp học quá đông sẽ rất khó thực hiện việc đổi mới giáo dục*. Giaoduc.net.vn. <https://giaoduc.net.vn/si-so-lop-hoc-qua-dong-se-rat-kho-thuc-hien-viec-doi-moi-giao-duc-post201654.gd>.
- EF Education First (2025). *Vietnam (Việt Nam)*. EF English Proficiency Index (Chỉ số thông thạo tiếng Anh EF). <https://www.ef.com/wwen/epi/regions/asia/vietnam/>.
- Hoang, V. V. (2010). The current situation and issues of the teaching of English in Vietnam (Thực trạng và các vấn đề trong dạy học tiếng Anh tại Việt Nam). *Ritsumeikan Studies in Language and Culture*, 22(1), 7–18.
- Krashen, S. D. (1982). *Principles and practice in second language acquisition* (Nguyên lý và thực hành trong tiếp nhận ngôn ngữ thứ hai). Pergamon.
- Larsen-Freeman, D. (1986). *Techniques and principles in language teaching* (Kỹ thuật và nguyên tắc trong giảng dạy ngôn ngữ). Oxford University Press.
- Le, H. T. T. (2023). The impacts of foreign language anxiety on students in English-medium instruction classes in the Central Region universities, Vietnam (Tác động của lo âu ngoại ngữ đối với sinh viên trong các lớp giảng dạy bằng tiếng Anh tại các trường đại học miền Trung Việt Nam). *Vietnam Journal of Education*, 7(2), 103–113. <https://doi.org/10.52296/vje.2023.265>.
- Lozanov, G. (1978). *Suggestology and outlines of suggestopedy* (Suggestology và phác thảo về Suggestopedy). Gordon and Breach.
- Lozanov, G. (2005). *Suggestopaedia–Desuggestive teaching: Communicative method on the level of the hidden reserves of the human mind* (Suggestopaedia – Dạy học giải ám thị: Phương pháp giao tiếp ở cấp độ những tiềm năng ẩn giấu của trí tuệ con người). International Centre for Desuggestology.
- Lozanov, G. (2009). *Suggestopedia–Reservopedia: Theory and practice of the liberating-stimulating pedagogy on the level of the hidden reserves of the human mind* (Suggestopedia–Reservopedia: Lý thuyết và thực hành của sư phạm giải phóng – kích thích ở cấp độ những tiềm năng ẩn giấu của trí tuệ con người). St. Kliment Ohridski University Press.
- Matveva, G. (2018). *An introductory guide to Suggestopedia* (Hướng dẫn nhập môn về Suggestopedia). Erasmus+.
- Ngo, M. T., & Tran, L. T. (2024). Current English education in Vietnam: Policy, practices, and challenges (Giáo dục tiếng Anh hiện nay ở Việt Nam: Chính sách, thực tiễn và thách thức). In T. L. H. Nghia, L. T. Tran, & M. T. Ngo (Eds.), *English language education for graduate employability in Vietnam* (pp. 49–69). Springer. https://doi.org/10.1007/978-981-99-4338-8_3.
- Ngo, X. M. (2022). English assessment in Vietnam: Status quo, major tensions, and underlying ideological conflicts (Đánh giá tiếng Anh ở Việt Nam: Hiện trạng, những căng thẳng chính và các xung đột hệ tư tưởng nền tảng). *Asian Englishes*, 26(1), 280–292. <https://doi.org/10.1080/13488678.2022.2132128>.
- Nguyễn Bảo (2025). *July 15*. Phổ điểm môn tiếng Anh thi tốt nghiệp THPT 2025: Điểm trung bình ngang năm trước. Tuổi Trẻ Online. <https://tuoitre.vn/pho-diem-mon-tieng-anh-thi-tot-nghiep-thpt-2025-diem-trung-binh-ngang-nam-truoc-20250715120756751.htm>.
- Phuong, H. Y., Tran, N. B. C., Nguyen, T. T. L., Lam, T. D., Bui, N. Q., & Le, T. T. (2025). From tests to tasks: How Vietnamese EFL teachers navigate washback through formative assessment practices (Từ bài kiểm tra đến nhiệm vụ: Cách GV tiếng Anh như ngoại ngữ ở Việt Nam ứng phó với tác động ngược của kiểm tra thông qua thực hành đánh giá quá trình). *Language Testing in Asia*, 15, Article 45. <https://doi.org/10.1186/s40468-025-00392-7>.
- Richards, J. C., & Rodgers, T. S. (2014). *Approaches and methods in language teaching* (Các đường hướng và phương pháp trong giảng dạy ngôn ngữ) (3rd ed.). Cambridge University Press.
- Swain, M. (1985). Communicative competence: Some roles of comprehensible input and comprehensible output in its development (Năng lực giao tiếp: Một số vai trò của đầu vào dễ hiểu và đầu ra trong sự phát triển của năng lực này). In S. M. Gass & C. G. Madden (Eds.), *Input in second language acquisition* (pp. 235–253). Newbury House.
- Thanh, P. T. H. (2010). Implementing a student-centered learning approach at Vietnamese higher education institutions: Barriers under layers of causal layered analysis (Triển khai cách tiếp cận học tập lấy người học làm trung tâm tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam). *Journal of Futures Studies*, 15(1), 21–38.
- Tomlinson, B., & Bao, D. (2004). The contributions of Vietnamese learners of English to ELT methodology (Những đóng góp của người học tiếng Anh Việt Nam đối với phương pháp giảng dạy tiếng Anh). *Language Teaching Research*, 8(2), 199–222.
- Tran, L. (2020). *Vietnamese EFL tertiary teachers' English communication in non-English major classes: A case study* (Giao tiếp tiếng Anh của giảng viên tiếng Anh bậc đại học Việt Nam trong các lớp không chuyên tiếng Anh: Một nghiên cứu trường hợp) [Doctoral dissertation, Victoria University of Wellington].